

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2020/DS-ST;
Ngày: 04/9/2020;
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DB

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

- C phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Văn Giang**;

2/ Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXX-ST ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Võ Hoàng A** - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 94/2 đường 39, Phường O, Quận N, TP HCM.

Đại diện ủy quyền: **Phùng Ngọc B** - sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp E, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **1/ Nguyễn Văn C** - sinh năm: 1951;

Địa chỉ: Số 42 Ô3, Khu II, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bùi Thị D - sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp K, xã I, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt ông Ngọc B, các đương sự khác vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phùng Ngọc B trình bày: Ngày 05/7/2014, B A có cho ông C và D vay 60.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng. Khi vay, bị đơn có viết biên nhận và ký tên biên nhận. Từ khi vay tiền cho đến nay, bị đơn không đóng lãi và trả vốn cho nguyên đơn mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền. Nay B Võ Hoàng A yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị D trả cho B A

số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2020, bị đơn bà Bùi Thị D trình bày: Ông Nguyễn Văn C là chồng của bà. Hiện tại bà D đã chuyển hộ khẩu về sinh sống tại ấp K, xã I, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trước đây, bà có quan hệ vay mượn tiền nhiều lần với bà Phụng là mẹ B A (bà D không rõ họ tên, năm sinh địa chỉ của bà Phụng và bà Phụng đã mất khoảng 02 năm). Vào khoảng năm 2014, do cần vốn buôn bán nên vợ chồng bà D có hỏi vay 60 triệu đồng của bà Phụng nhưng lúc đó bà Phụng nói không có tiền mà để bà Phụng hỏi con bà Phụng là B Võ Hoàng A cho vợ chồng bà D vay tiền. Do đó ngày 05/7/2014, bà D và ông C có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 05/7/2014 cho B Võ Hoàng A, theo đó B A vợ chồng bà D vay 60.000.000 đồng, trong thời hạn 06 tháng sẽ trả, đồng thời phía sau biên nhận bà D có ký nhận, với nội dung đã nhận đủ số tiền 60 triệu đồng. Thực chất, vợ chồng bà không có nhận số tiền trên mà bà Phụng đã lấy 60.000.000 đồng trên để cản trừ vào số tiền lãi của những khoản tiền vay của bà D và bà Phụng trước kia. Bà D thừa nhận chữ ký D và chữ ký C trong biên nhận ngày 05/7/2014 là của bà D và ông C. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà không đồng ý trả nợ vì vợ chồng bà đã lớn tuổi không có khả năng lao động và không còn tài sản nào để trả nợ cho B A. Do sức khỏe kém nên bà đề nghị cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại bản tự khai ngày 17/8/2020, ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông có ký tên vào biên nhận nợ 60.000.000 đồng do bà Phụng - mẹ B A- viết. Do lúc này bà Phụng nói sẽ lấy tiền của B A về đưa cho vợ chồng ông vay nhưng sau đó bà Phụng không có đưa tiền cho vợ chồng ông. Sau đó, vợ chồng ông có gặp bà Phụng để lấy lại giấy nợ nhưng bà Phụng nói đã hủy bỏ giấy nợ. Ông không có nhận khoản tiền nào từ ông A nên nay với yêu cầu của ông A, ông không đồng ý. Do sức khỏe kém nên ông đề nghị cho ông được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] B Võ Hoàng A khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị D trả cho B A số tiền vay vào năm 2014 nhưng đến nay chưa trả, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Ông C và bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của B A, Tòa xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D và ông C thừa nhận chữ ký tại Biên nhận ngày 05/7/2014 do nguyên đơn cung cấp là của bà D và ông C. Tuy nhiên, bà D cho rằng số tiền 60.000.000 đồng bà D không nhận từ B A mà bà Võ Thị Kim Phụng - mẹ của B A - đã nhận số tiền trên để cần trừ vào số tiền lãi của khoản tiền vay giữa bà D, ông C và bà Phụng. Phía đại diện nguyên đơn không thừa nhận và yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ vì bà Võ Thị Kim Phụng đã mất vào ngày 29/5/2018. Tòa án đã cho bị đơn thời hạn để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng bị đơn cũng không cung cấp, đồng thời nhận thấy quan hệ giao dịch của bà D, ông C và bà Phụng là một giao dịch khác, trong trường hợp bà D và ông C có trB chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Căn cứ vào biên nhận đề ngày 05/7/2014 và lời thừa nhận của bị đơn, có đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng, vay trong thời hạn 06 tháng nhưng khi đến hạn trả nợ nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thB toán nợ nhưng bị đơn không trả nợ. Do đó, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, nên yêu cầu khởi kiện của B A là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[5 Về án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, tuy nhiên ngày 17/8/2020 bị đơn có đơn xin miễn nộp tiền án phí do là người cao tuổi và mất sức lao động có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn G và Ủy ban nhân dân xã I nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí đối với bị đơn. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho B A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của B Võ Hoàng A đối với ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị D có nghĩa vụ trả cho B Võ Hoàng A số tiền vốn là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

B Võ Hoàng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003964 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với bị đơn thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã Ký)

Cao Thị Thu Thủy